DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2933 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *07* ***tháng*** *10* ***năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng quản lý chất lượng**
Laboratory:	***Quality Control Department***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL**
Organization:	***Thu Duc Steel Joint Stock Company - VNSTEEL***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 117**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa, Cơ**
Field:	***Chemical, Mechanical***
Người quản lý/ *Laboratory manager:*	**Trần Quốc Tuấn**
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Từ ngày/*From*** *07 / 10* **/2026 đến ngày/*to* 25/8/2030**
Địa chỉ:	**Km9, đường Võ Nguyên Giáp, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**
Address:	***Km9, Vo Nguyen Giap Road, Thu Duc Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm:	**Km9, đường Võ Nguyên Giáp, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**
Location:	***Km9, Vo Nguyen Giap Road, Thu Duc Ward, Ho Chi Minh City***
Điện thoại/ *Tel*:	**028 38 96 96 12**
Email:	***thepthuduvkc@vnn.vn***
Website:	***thepthuduc.com.vn***

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Thép cốt bê tông cán nóng** ***Steel bar hot rolled***	Thử kéo, xác định: - Giới hạn chảy - Độ bền đứt - Độ giãn dài *Tensile test, determination of:* - *Yield point* - *Tensile strength* - *Elongation*	(10 ~ 850) kN	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009) TCVN 7937-1:2013 JIS Z 2241:2023 ASTM A370-24
2.		Thử uốn *Bending test*	Đến/*to* 180°	TCVN 198:2008 TCVN 7937-1:2013 JIS Z 2248:2022R ASTM E290-22

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 117

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Thép hợp kim thấp** ***Low alloy steel***	Xác định hàm lượng các nguyên tố C, Si, Mn, P, S, Cr, Ni, Cu. Phương pháp quang phổ *Determination content of C, Si, Mn, P, S, Cr, Ni, Cu.* *Spark atomic emission spectrometry method*	C: (0,02 ~ 1,1) % Si: (0,05 ~ 1,54) % Mn: (0,05 ~ 2,0) % P: (0,006 ~ 0,085) % S: (0,006 ~ 0,055) % Cr: (0,005 ~ 8,14) % Ni: (0,005 ~ 5,0) % Cu: (0,005 ~ 0,5) %	ASTM E415-21

Chú thích/ *Note*:

- ASTM: *American Society for Testing and Materials*;
- JIS: *Japanese Industrial Standards*

Trường hợp Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Thu Duc Steel Joint Stock Company - VNSTEEL that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*.